

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 99/2017/HSST

Ngày 27 - 6 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Hội thẩm nhân dân:

1 - Ông Nguyễn Nam Bình - Phó Chủ nhiệm UBKT Thành ủy, Thành phố Thái Bình.

2 - Bà Trần Thị Thu Hương - Cán bộ Tư pháp phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

Hôm nay, ngày 27 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2017/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ THÀNH S**, Sinh ngày 06/8/1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Con ông: Lê Thành T - (đã chết); Con bà: Khiếu Thị O - Sinh năm: 1951

Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo chưa có vợ con.

*** Tiền án, tiền sự:** Không.

*** Nhân thân:** - Bản án số 28/HSST ngày 08/4/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Buộc S phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, tại biên lai số 16 ngày 12/8/2004 (*đã thi hành xong*).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2017 đến ngày 28/4/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình. Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1970, trú tại tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (*Có mặt*)

*** Người làm chứng:**

- Anh Trịnh Quốc T1, sinh năm 1986; Trú tại số nhà 37, tổ 31, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

- Anh Bùi Mạnh T2, sinh năm 1985; Trú tại số nhà 23, tổ 18, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/4/2017, Lê Thành S đi xe đạp mini màu bạc từ nhà ra khu vực tổ 37B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Đến nơi S gặp một người nam giới khoảng 35 tuổi không biết tên và địa chỉ, đang đứng một mình, S hỏi người nam giới: “*Em có ma túy không bán cho anh 200.000 đồng*”, người nam giới trả lời: “*Có, đưa tiền đây*”, S đưa cho người này 200.000 đồng, người nam giới nhận tiền và đưa lại cho S 01 gói bên ngoài gói bằng giấy báo có chữ. S nhận lấy và cho vào trong túi quần bên phải S đang mặc. Sau đó, S đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi S đi đến khu vực đường L, tổ 01, phường Q, thành phố T thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của những người làm chứng là anh Trịnh Quốc T1, sinh năm 1986, trú tại số nhà 37, tổ 31, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình và anh Bùi Mạnh T2, sinh năm 1985; Trú tại số nhà 23, tổ 18, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình, S tự giác lấy từ trong túi quần bên phải của S ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy báo có chữ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục theo S khai nhận là hêrôin do S mua về để sử

dụng cho bản thân. Tổ công tác đã mời những người làm chứng và yêu cầu S về trụ sở Công an thành phố Thái Bình để làm rõ. Tại cơ quan điều tra, kiểm tra người S thu tại túi quần bên trái của S 01 điện thoại Samsung màu trắng và số tiền 20.000 đồng, kiểm tra xe đạp của S không phát hiện thu giữ gì. Ngoài ra Cơ quan điều tra không quản lý đồ vật, tài sản gì khác. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 141/KLGD-PC54 ngày 26/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu của Lê Thành S là ma túy, loại hêrôn, có trọng lượng **0,3190 gam** (không phẩy ba nghìn một trăm chín mươi gam).

Quá trình điều tra, bị cáo và chị Lê Thị H, sinh năm 1970, trú tại tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình khai chiếc xe đạp mini màu bạc là tài sản của chị Lê Thị H. Ngày 24/5/2017, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị H trong tình trạng tài sản còn nguyên vẹn, chị H đã nhận lại xe đạp và không có ý kiến gì.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Lê Thành S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 106/KSĐT ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Lê Thành S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Lê Thành S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 25/4/2017.

* **Về xử lý vật chứng**: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa chất ma túy, bên ngoài ghi số 141/KLGD mẫu vật hoàn trả sau giám định.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Samsung màu trắng đã cũ và số tiền 20.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.
- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 03, 04); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 24); Bản kết luận giám định số 141 ngày 26/4/2017 (bút lục số 27); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Lê Thị H – bút lục số 51, 52), những người làm chứng là anh Trịnh Quốc T1 và anh Bùi Mạnh T2 (bút lục số 45-50); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên người, mục đích để sử dụng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 141 ngày

26/4/2017, số ma túy thu được của Lê Thành S là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,3190 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhưng là người có nhân thân xấu do đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản vào năm 2004.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Công văn số 315/TANDTC-PC ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 110/CV-BCS ngày 21/6/2016 của Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*”

Bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

***Về xử lý vật chứng:** Số ma túy thu giữ được của bị cáo S là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người nam giới khoảng 35 tuổi, không quen biết, ở khu vực tổ 37B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe đạp mini màu bạc đã cũ, là tài sản của chị Lê Thị H, sinh năm 1970, trú tại tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, nên việc Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chị H là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu trắng đã cũ và số tiền 20.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

***Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*** Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H trình bày:** Khi bị cáo Lê Thành S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tôi có cho bị cáo mượn chiếc xe mini màu trắng để làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo dùng phương tiện này để đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân, bản thân tôi không biết và bị cáo S cũng không nói. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho tôi, tôi không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì về chiếc xe đạp trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của

Quốc hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thành S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 25/4/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa chất ma túy, bên ngoài ghi số 141/KLGD mẫu vật hoàn trả sau giám định.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Samsung màu trắng đã cũ và số tiền 20.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 31/5/2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thành S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/6/2017.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình;
- Người TGTT khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền